Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 4806.30.00

Mã HS	4806.30.00
Mô tả hàng hóa	Giấy giả da (parchment) gốc thực vật, giấy không thấm dầu mỡ, giấy can, giấy bóng mờ và giấy bóng trong hoặc các loại giấy trong khác, dạng cuộn hoặc tờ / - Giấy can
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	05/11/2026 13:07:30
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/48063000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K7524
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N7524
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q7524
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.7	1,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7237
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7192
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7192
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7192
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7192
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7192
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7192
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E7242
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7242

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7242
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7242
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7242
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7242
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7243
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7243
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7243
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7243
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7243
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7243
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7244
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7198
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F7200
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G7200
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H7200
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I7200
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J7200
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K7200
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7228
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7228
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7228
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7228
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7228
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7228
VCFTA	2022	2022	0	VC!D7274
VCFTA	2023	2023	0	VC!E7274

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7274
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7274
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7274
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7274
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7254
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7254
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7254
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7254
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7254
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7254
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D7263
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E7263
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F7263
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G7263
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H7263
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I7263
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D7255
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E7255
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F7255
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G7255
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H7255
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7255
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D7256
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E7256
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F7256
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G7256

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H7256
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7256
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7222
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7222
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7222
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7222
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7222
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7222
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7222
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D7257
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E7257
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F7257
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G7257
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H7257
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I7257
RCEP B	2022	2022	0	B!D7257
RCEP B	2023	2023	0	B!E7257
RCEP B	2024	2024	0	B!F7257
RCEP B	2025	2025	0	B!G7257
RCEP B	2026	2026	0	B!H7257
RCEP B	2027	2027	0	B!I7257
RCEP C	2022	2022	0	C!D7257
RCEP C	2023	2023	0	C!E7257
RCEP C	2024	2024	0	C!F7257
RCEP C	2025	2025	0	C!G7257
RCEP C	2026	2026	0	C!H7257

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I7257
RCEP D	2022	2022	0	D!D7257
RCEP D	2023	2023	0	D!E7257
RCEP D	2024	2024	0	D!F7257
RCEP D	2025	2025	0	D!G7257
RCEP D	2026	2026	0	D!H7257
RCEP D	2027	2027	0	D!I7257
RCEP E	2022	2022	0	E!D7260
RCEP E	2023	2023	0	E!E7260
RCEP E	2024	2024	0	E!F7260
RCEP E	2025	2025	0	E!G7260
RCEP E	2026	2026	0	E!H7260
RCEP E	2027	2027	0	E!I7260
RCEP F	2022	2022	0	F!D7257
RCEP F	2023	2023	0	F!E7257
RCEP F	2024	2024	0	F!F7257
RCEP F	2025	2025	0	F!G7257
RCEP F	2026	2026	0	F!H7257
RCEP F	2027	2027	0	F!I7257
VIFTA	2024	2024	2.6	VI!F6715
VIFTA	2025	2025	2.1	VI!G6715
VIFTA	2026	2026	1.7	VI!H6715
VIFTA	2027	2027	1.3	VI!I6715

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4806.30.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 4806.30.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N7524), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.